TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2022
(*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Phong Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu
2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Biện Anh Huy –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 302/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Văn Hoàng Kim A – sinh năm 1982
Trú tại: khu phố 6, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
*** Bị đơn:** Ông Kiều C – sinh năm 1978
Trú tại: khu phố 6, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Văn Hoàng Kim A trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống bà và ông C không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng không có hạnh phúc, sống không có tiếng nói chung. Bà đã cố gắng chung

sống để nuôi con khôn lớn và cho con có hạnh phúc của cha mẹ nhưng đến nay vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được và không thể chung sống với nhau được nữa. Hai người đã sống ly thân được khoảng hơn một năm nay, mạnh ai nấy sống. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có một con Kiều Văn Hoàng D, sinh ngày 23/6/2003. Lúc bà nộp đơn thì con chưa đủ 18 tuổi và đang ở với bà nhưng hiện nay cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Kiều C*: Ngày 29 tháng 12 năm 2020 Tòa án xác minh tại địa phương nơi ông C và bà A cư trú cho biết, có đến nhà tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông C không có mặt tại nhà, thông báo cho ông C các giấy tờ trên nhưng ông không đến tòa và không nhận các giấy tờ của Tòa án. Hiện ông C vẫn đang cư trú tại địa phương, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn nên ông đi làm ăn xa nhưng vẫn đi đi về về. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông không hợp tác, không đến tòa, không làm bản tự khai, không tham gia tố tụng. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Kiều C cư trú tại khu phố 6, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Kiều C không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C là hợp pháp, ông bà đã được Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 075, quyển số 01 ngày 23 tháng 7 năm 2003.

Bà A cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông C không hợp nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai người không còn sống chung được khoảng hơn một năm, mạnh ai nấy sống. Tòa án có xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà A và ông C cư trú cho thấy bà A và ông C có xảy ra mâu thuẫn là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa hòa giải nhưng ông không hợp tác, không đến tòa, chứng tỏ ông muốn bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A, không còn thiết tha xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định này, đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

Về con chung: Bà A và ông C có con Kiều Văn Hoàng D, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003. Hiện nay cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử**:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Văn Hoàng Kim A, bà A được ly hôn ông Kiều C.

- ***Về án phí***: Bà Văn Hoàng Kim A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004101 ngày 07/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- UBND phường B;
- THA dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Phong Lan